

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 22/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Nhâm**.

2. Ông **Vì Hoài Nam**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Mạnh Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/HSST ngày 19/4/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 08/5/2019 đối với các bị cáo.

1. Lâu Văn T, sinh ngày 12/02/1993; nơi sinh: Huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lâu Văn H và bà Đào Thị X; Anh, chị em ruột: Có 03 anh, em, bị cáo là thứ nhất; Có vợ: Dương Thị M và 03 con; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Lâu Văn H, sinh ngày 28/7/1976; nơi sinh: Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lâu Văn S và bà Lý Thị S; Anh, chị em ruột: Có 06 anh, chị, em, bị cáo là thứ năm; Có vợ: Đào Thị X và 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lầu Văn T và Lầu Văn H:** Ông Hoàng Hải Bầu - Luật sư, Văn phòng luật sư Hoàng Minh, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Bị hại:** UBND xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Bạch - Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Dương Thị M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2018 (không nhớ rõ ngày), Lầu Văn T, sinh năm 1993, trú tại Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang mang theo 01 máy cưa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA 365 và kèm theo phụ kiện bao gồm: lam xích, xăng, dầu nhớt, thước, dao và đèn pin đi lên khu vực rừng đặc dụng tự nhiên Tà Cúng thuộc thôn Lũng Vài, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang với mục đích cắt đổ cây gỗ nghiêng có đường kính gốc khoảng 100cm mà T đã phát hiện trước đó để xẻ lấy gỗ làm nhà. Khi đến nơi T lắp các phụ kiện vào máy cưa và thực hiện hành vi cắt ngang thân cây gỗ ở phần gốc (cách mặt đất khoảng 02m), T cắt liên tục trong khoảng thời gian 30 phút thì cây đổ và đi về nhà.

Đầu tháng 8/2018 (không nhớ rõ ngày), T nói với Lầu Văn H, sinh năm 1976 (bố đẻ của T) là đã cắt hạ được 01 cây gỗ nghiêng trên rừng Tà Cúng và nhờ H hôm sau đi hộ xẻ lấy một phần thân cây gỗ để làm cột và xà nhà cho T, H đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày hôm sau T mang theo máy cưa xăng, 01 cuộn dây bật mực và các dụng cụ như lần trước cùng H đi lên rừng xẻ gỗ. Khi đến nơi T dùng máy cưa cắt bỏ một đoạn thân cây tiếp giáp phần gốc (dài 2,1 mét, đường kính 110 cm), sau đó T thống nhất H đo thân cây thành 03 đoạn (tính từ gốc ra ngọn cây), đoạn thứ nhất dài 05 mét (xẻ làm cột), phần còn lại chia làm 02 đoạn để xẻ làm xà, sau khi chia đoạn xong, H dùng máy cưa cắt rời phần ngọn và xác định chỉ xẻ lấy phần thân cây có tổng chiều dài 14m, có khối lượng khoảng trên 7m³ để xẻ lấy gỗ là đủ.

T và H cùng nhau xẻ sơ chế phần thân cây gỗ nghiêng nêu trên (dài 14m, có khối lượng khoảng trên 7m³) trong khoảng 04 đêm (không nhớ ngày cụ thể) được 51 thanh gỗ có kích thước độ dài, ngắn khác nhau (trung bình mỗi thanh dài từ 1,25m đến 5,0m, rộng từ 14cm đến 35cm, dày từ 09cm đến 23cm). Xẻ xong đến ngày 25/12/2018, T cùng H lên vận chuyển các thanh gỗ xẻ trước đó xuống chân núi cách vị trí khai thác ban đầu khoảng (250 mét) để đem về nhà sử dụng; vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 26/12/2018, khi T và H đang vận chuyển gỗ thì bị tổ công tác Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng huyện N kiểm tra phát hiện, lập biên bản vi phạm và tạm giữ tang vật.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây, lý lịch gỗ tròn (lập ngày 27 và 28 tháng 12 năm 2018) đã xác định: Cây gỗ

do Lầu Văn T, Lầu Văn H khai thác trái phép là cây gỗ Nghiến (thuộc loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA) có khối lượng là $16,398\text{m}^3$ gỗ tròn (trong đó: $10,608\text{m}^3$ gỗ tròn; 51 thanh gỗ xẻ = $3,619\text{m}^3$, quy đổi thành $5,790\text{m}^3$ gỗ tròn), vị trí khai thác lô 15 khoảnh 295, đối tượng rừng đặc dụng tự nhiên Tà Cúng, thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Khối lượng Lầu Văn H tham gia khai thác trái phép được xác định là $7,603\text{m}^3$ gỗ tròn).

Tại Kết luận định giá số 02a /TBKL-HĐĐGTSTTHS ngày 20/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện N, kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại 01 cây gỗ Nghiến nhóm IIA, tổng khối lượng $16,398\text{m}^3$ (trong đó $10,608\text{m}^3$ gỗ tròn; gỗ xẻ: $3,619\text{m}^3$ quy ra gỗ tròn: $5,790\text{m}^3$) có giá trị: 172.175.067 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm bảy mươi năm nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Gỗ tròn $10,608\text{m}^3$ có giá trị là 110.603.441 đồng, gỗ xẻ $3,619\text{m}^3$ có giá trị là 61.571.626 đồng.

Về vật chứng vụ án tạm giữ: 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 cùng bộ lam xích máy cưa; 01 dao quắm, 02 can nhựa loại 05 lít, 01 dây bật mực, 02 đèn pin, 01 tu vít, 01 thước kéo loại 05 mét, 01 chiếc gùi bằng tre, 02 vỏ chai nhựa loại 1,5 lít, 01 vỏ chai dầu nhờn. Còn đối với vật chứng là toàn bộ số lượng cây gỗ Nghiến do các bị cáo khai thác trái phép (gồm cả phần gỗ xẻ) tại hiện trường, sau khi khám nghiệm, Cơ quan tiến hành tố tụng đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang quản lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lầu Văn T, Lầu Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây, lý lịch gỗ, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 09/CT-VKSNH ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với Lầu Văn T; Truy tố về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự đối với Lầu Văn H.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Lầu Văn T và Lầu Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Về hình phạt chính:

- Đề nghị căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/01/2019.

- Đề nghị căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn H từ 02 năm 06 tháng

đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản có giá trị và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc đèn pin (01 màu tím thẫm, 01đỏ màu đỏ đen), loại đèn đeo đầu đã qua sử dụng; 01 hộp thước kéo màu vàng, loại 05 mét, thước cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc gùi đan bằng tre, đã qua sử dụng; 02 vỏ chai nhựa màu trắng, loại dung tích 1,5 lít; 01 vỏ dầu nhớt màu đen, nhãn hiệu Havoline 2T Plus; 01 con dao quắm chuôi bằng gỗ có kích thước dài cả chuôi là 53cm, bản phần chuôi bị vỡ, mũi dao bị sứt; 02 chiếc can nhựa loại can 05 lít (trong đó 01 chiếc can màu vàng, nắp màu xanh, nhãn hiệu SONG LONG; 01 chiếc can nhựa màu vàng xanh nắp màu đỏ, đáy can có ghi chữ VIỆT NHẬT); 01 cuộn dây bột mực màu đen có kích thước dài 4,8 m, được cuộn vào một đoạn gỗ dài 18 cm; 01 tô vít bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu được hàn vào một ống sắt lục giác dài 46 cm, tổng chiều dài 16,5 cm.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Lầu Văn T: ½ giá trị chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, không gắn lam xích, máy cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 lam máy cưa bằng kim loại có kích thước dài 77,5 cm, điểm rộng nhất 10 cm, dày 0,5 cm, hai bên mặt lam có ghi chữ Husqvarna và 01 dây xích cắt của máy cưa.

- Trả lại cho chị Dương Thị M: ½ giá trị chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, không gắn lam xích, máy cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 lam máy cưa bằng kim loại có kích thước dài 77,5 cm, điểm rộng nhất 10 cm, dày 0,5 cm, hai bên mặt lam có ghi chữ Husqvarna và 01 dây xích cắt của máy cưa.

Giao khối lượng gỗ nghiến là 16,398m³ do các bị cáo khai thác trái phép đề tại hiện trường cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang tiếp tục quản lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngoài ra đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo Lầu Văn T và Lầu Văn H là ông Hoàng Hải Bàu trình bày lời bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đề nghị HĐXX căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn T mức án thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

- Đề nghị căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn H mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

- Bị hại UBND xã C, huyện N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày ý kiến: Khu rừng thuộc lô 15 khoảnh 295, khu Tà Cúng, thôn Lũng Vài, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang là rừng đặc dụng tự nhiên thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã C, huyện N. Sau khi các bị cáo khai thác gỗ Nghiến trái phép bị phát hiện UBND xã đã phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra hiện T và xác định được: Cây gỗ do Lầu Văn T, Lầu Văn H khai thác trái phép là cây gỗ Nghiến có khối lượng là $16,398\text{m}^3$ gỗ tròn (trong đó: $10,608\text{m}^3$ gỗ tròn; 51 thanh gỗ xẻ = $3,619\text{m}^3$, quy đổi thành $5,790\text{m}^3$ gỗ tròn), số gỗ trên vẫn để tại hiện trường hiện UBND xã C đang quản lý theo thẩm quyền. Nay UBND xã C không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị cho bị cáo H được hưởng án treo vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị M trình bày: Chị là vợ hợp pháp của bị cáo Lầu Văn T, chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, kèm theo 01 lam máy cưa và 01 dây xích cắt của máy cưa là tài sản chung của chị và bị cáo T, vợ chồng chị mua chiếc máy cưa trên về để phục vụ công việc, sinh hoạt trong gia đình, việc bị cáo T sử dụng chiếc máy cưa xăng trên đi khai thác gỗ nghiến trái phép chị không biết, nay chị đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc máy cưa xăng trên cho chị, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về xem xét hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây, lý lịch gỗ, vật chứng thu giữ phù hợp với kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng đầu tháng 7/2018 (không rõ ngày), tại khu rừng đặc dụng Tà Cúng, thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (thuộc lô 15 khoảnh 295, đối tượng rừng đặc dụng tự nhiên), Lầu Văn T đã có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến (thuộc loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA), có tổng khối lượng $16,398\text{m}^3$, có giá trị 172.175.067 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm bảy mươi năm nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng*);

Khoảng đầu tháng 8/2018 (không rõ ngày), tại khu rừng đặc dụng Tà Cúng, thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (thuộc lô 15 khoảnh 295, đối tượng rừng đặc dụng tự nhiên), Lầu Văn H đã có hành vi tham gia khai thác cùng Lầu Văn T khối lượng 7,603m³ gỗ nghiến (thuộc loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA), có giá trị 79.428.606 đồng (*Bảy mươi chín triệu bốn trăm hai tám nghìn sáu trăm không sáu đồng*).

Hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; đối với bị cáo Lầu Văn T có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến (thuộc loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA), có tổng khối lượng 16,398m³ nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự; hành vi của Lầu Văn H tham gia khai thác 7,603m³ gỗ nghiến (thuộc loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA) nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây nguy hại đến tài nguyên rừng, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức, các bị cáo biết hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập đối với hành vi của mình. Tuy nhiên tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án là khác nhau:

Đối với bị cáo Lầu Văn T quá trình đi chẵn trâu tại khu vực rừng đặc dụng tự nhiên Tà Cúng, thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang bị cáo phát hiện thấy 01 cây gỗ nghiến to nên đã nảy sinh ý định khai thác cây gỗ nghiến trên về để làm nhà ở. Bị cáo trực tiếp chuẩn bị các công cụ, phương tiện để khai thác gỗ, tự mình chặt đổ cây gỗ nghiến sau đó nhờ bố để mình là Lầu Văn H đi hộ khai thác và vận chuyển gỗ nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo T khai thác gỗ với mục đích mang về làm nhà ở, xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng bị cáo ở chung cùng bố mẹ, nhà đông người chật chội, bị cáo muốn ra ở riêng nhưng chưa làm được nhà, bị cáo không có mục đích bán gỗ trên để hưởng lợi, nên tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo cũng giảm đi phần nào.

Bị cáo Lầu Văn H là bố đẻ của bị cáo Lầu Văn T, bị cáo không biết việc T đi chặt cây gỗ nghiến, khi T đã chặt đổ cây gỗ nghiến trên được một thời gian mới nói cho bị cáo H biết mục đích chặt gỗ về để làm nhà ra ở riêng, do là bố con ở cùng nhà nên khi được T nhờ đi giúp để khai thác, vận chuyển cây gỗ nghiến bị cáo đã đồng ý, bản thân bị cáo H là người dân tộc Mông, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, nên bị cáo chưa nhận thức được tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi mình thực hiện, vì vậy trong vụ án này bị cáo đồng phạm với bị cáo T với vai trò giúp sức.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này tuy các bị cáo cùng tham gia khai thác gỗ trái phép, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất cụ thể, không nhằm mục đích khai thác gỗ nghiêng bán để thu lợi nhuận, nên chỉ có căn cứ xác định đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; đối với bị cáo Lầu Văn H được UBND xã S nơi bị cáo cư trú có ý kiến xin giảm nhẹ cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt bị cáo Lầu Văn T hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung; Đối với bị cáo Lầu Văn H có nhân thân tốt, trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có đơn xin hưởng án treo, đồng thời UBND xã S nơi bị cáo cư trú cũng có ý kiến đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đại diện UBND xã C, huyện N không đề nghị các bị cáo bồi thường, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về vật chứng liên quan đến vụ án:

- Đối với 02 chiếc đèn pin (01 màu tím thẫm, 01đỏ màu đỏ đen loại đèn đeo đầu đã qua sử dụng; 01 hộp thước kéo màu vàng, loại 05 mét, thước cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc gùi đan bằng tre, đã qua sử dụng; 02 vỏ chai nhựa màu trắng, loại dung tích 1,5 lít; 01 vỏ dầu nhớt màu đen, nhãn hiệu Havoline 2T Plus; 01 con dao quắm chuôi bằng gỗ có kích thước dài cả chuôi là 53cm, bản phần chuôi bị vỡ, mũi dao bị sứt; 02 chiếc can nhựa loại can 05 lít (trong đó 01 chiếc can màu vàng, nắp màu xanh, nhãn hiệu SONGLONG; 01 chiếc can nhựa màu vàng xanh nắp màu đỏ, đáy can có ghi chữ

VIỆT NHẬT); 01 cuộn dây bột mực màu đen có kích thước dài 4,8 m, được cuộn vào một đoạn gỗ dài 18 cm; 01 tô vít bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu được hàn vào một ống sắt lục giác dài 46 cm, tổng chiều dài 16,5 cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, không gắn lam xích, máy cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 lam máy cưa bằng kim loại có kích thước dài 77,5 cm, điểm rộng nhất 10 cm, dày 0,5 cm, hai bên mặt lam có ghi chữ Husqvarna và 01 dây xích cắt của máy cưa bị cáo T sử dụng để khai thác gỗ, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được là tài sản chung của bị cáo Lầu Văn T và vợ là chị Dương Thị M, chị M không biết việc bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội và đề nghị xin lại các tài sản trên nên cần tịch thu sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản trên, trả lại cho chị Dương Thị M $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản trên.

Đối với khối lượng gỗ nghiền là 16,398m³ do các bị cáo khai thác trái phép vẫn để lại tại hiện trường hiện đang do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang quản lý nên cần tiếp tục giao cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang quản lý, giải quyết theo thẩm quyền.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lầu Văn T và Lầu Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

2. *Về hình phạt:*

- Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn T 05 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 09/01/2019.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lầu Văn H 02 năm 09 tháng tù cho

hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lầu Văn H cho UBND xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc đèn pin (01 màu tím thắm, 01đỏ màu đỏ đen), loại đèn đeo đầu đã qua sử dụng; 01 hộp thước kéo màu vàng, loại 05 mét, thước cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc gùi đan bằng tre, đã qua sử dụng; 02 vỏ chai nhựa màu trắng, loại dung tích 1,5 lít; 01 vỏ dầu nhờn màu đen, nhãn hiệu Havoline 2T Plus; 01 con dao quắm chuôi bằng gỗ có kích thước dài cả chuôi là 53cm, bản phần chuôi bị vỡ, mũi dao bị sứt; 02 chiếc can nhựa loại can 05 lít (trong đó 01 chiếc can màu vàng, nắp màu xanh, nhãn hiệu SONGLONG; 01 chiếc can nhựa màu vàng xanh nắp màu đỏ, đáy can có ghi chữ VIỆT NHẬT); 01 cuộn dây bật mực màu đen có kích thước dài 4,8 m, được cuộn vào một đoạn gỗ dài 18 cm; 01 tô vít bằng kim loại, một đầu dẹt, một đầu được hàn vào một ống sắt lục giác dài 46 cm, tổng chiều dài 16,5 cm.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Lầu Văn T: ½ giá trị chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, không gắn lam xích, máy cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 lam máy cưa bằng kim loại có kích thước dài 77,5 cm, điểm rộng nhất 10 cm, dày 0,5 cm, hai bên mặt lam có ghi chữ Husqvarna và 01 dây xích cắt của máy cưa.

- Trả lại cho chị Dương Thị M: ½ giá trị chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, không gắn lam xích, máy cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 lam máy cưa bằng kim loại có kích thước dài 77,5 cm, điểm rộng nhất 10 cm, dày 0,5 cm, hai bên mặt lam có ghi chữ Husqvarna và 01 dây xích cắt của máy cưa.

“Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 22/4/2019”.

Giao khối lượng là 16,398m³ gỗ nghiêng các bị cáo khai thác trái phép để tại hiện T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang tiếp tục quản lý, giải quyết theo thẩm quyền.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lầu Văn T và Lầu Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Công an huyện N
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại giam;
- UBND xã S;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ